



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV # _____

VEWL.# _____

I-171 : _____ Yes, _____ No

EXIT VISA: _____ Yes _____ No

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH VAN DUC
Last Middle First

Current Address 7.15/Ap Xom Moi 2 - Trại binh Chấn hành Tây Ninh

Date of Birth 1945 Place of Birth Phan Thiet

Previous Occupation (before 1975) Lieutenant & ARVN
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 5/1975 To 3/1980

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
TO - THI - HIEU		wife
HUYNH - DUC - DUNG		son
HUYNH - THI - BICH PHUONG		daughter
HUYNH DUC NGHIA		son
HUYNH - DUC - TRUNG		son

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

LÝ LỊCH



I) Họ và tên : HOÀNG - VĂN - ĐỨC
 Bì' danh : Không có
 Ngày tháng năm sinh : 10 - 11 - 1945
 Nguyên quán : Phú trỉnh, PhanThiet - Sĩ' nhà 21,
 đường Nguyễn Hôi, PhanThiet
 Trú quán : Tổ 15, Ấp xóm mới 2, xã Trú Bình,
 huyện Châu thành tỉnh Tây Ninh. (T)

Dân tộc : Kinh
 Quốc tịch : Việt - Nam
 Tôn giáo : Theo cúng ông bà cha mẹ
 Trình độ văn hoá : Tú tài phân I (lớp 12/12)
 Trình độ ngoại ngữ : Biết đọc Anh + Pháp

II) Thành phần gia đình
 Họ và tên Cha : Huỳnh Ngọc, 74 tuổi (bình chết)
 Nghề nghiệp : Thủ máy
 Quê quán : Sĩ' nhà 21, Nguyễn Hôi, Thị xã PhanThiet
 Họ và tên Mẹ : Võ Thị Nhường, 70 tuổi (sống, già yếu)
 Nghề nghiệp : Nội trợ
 Quê quán : Sĩ' nhà 21, Nguyễn Hôi, Thị xã PhanThiet
 Anh chị Em ruột :
 Huỳnh Văn Tân : 41 tuổi, Sĩ' quan QLVNCH
 Cấp bậc : Trung úy
 Chức vụ : Phân chi khu Trưởng xã Phú Hôi PhanThiet
 Huỳnh Thị Minh : 37 tuổi, giáo viên tiểu học PhanThiet
 Huỳnh Văn Quang : 33 tuổi, TSI thuộc phòng 7-TTM,
 QLVNCH.
 Huỳnh Văn Tù : 30 tuổi, Kế toán trưởng Hợp tác xã
 Cù Khô, Trừ Phong - PhanThiet
 Huỳnh Văn Mười : 28 tuổi, Thủ Hân trên PhanThiet
 Họ và tên vợ : Tô Thị Hiếu, 41 tuổi
 Nghề nghiệp : Thủ máy
 Quê quán : Tổ 15, Ấp xóm mới 2 - xã Trú Bình,
 huyện Châu Thành - Tỉnh Tây Ninh

Họ và tên các con :

- Huyền Đức Dũng : 17 tuổi, học sinh lớp 10
 - Huyền Thị Bích Phương : 16 tuổi, học sinh lớp 9
 - Huyền Đức Nghĩa : 14 tuổi, học sinh lớp 8
 - Huyền Đức Trường : 7 tuổi, học sinh lớp 1
- Hiện ngụ tại: hẻm 15, ấp Xóm Mới 2, xã Trại Bình, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

(III) Hoạt Động Bản Thân :

Từ năm 1945 đến 1952 : Con nhỏ ở với cha mẹ tại Phan.

Từ năm 1952 đến 1957 : Học sinh Trường Tiểu học

Hàm Thuận, Phan Thiết.

Từ năm 1957 đến 1963 : Học sinh Trường Trung học,
Cổng lập Phan Bội Châu, Phan Thiết.

Từ năm 1964 đến 1965 : ở nhà luyện thi Tú Tài II.

- Ngày 23 - 11 - 1956 hình nguyện nhập ngũ Khoa 24 Sĩ
quân Trại bị Thủ Đức, Thủ Thuận tại trường Bộ binh Thủ
Đức Thủ, gran, 09 tháng. Ra trường ngày 30 - 8 - 1967,
cấp bậc Chuẩn úy. Chọn đơn vị chiến đấu Sư đoàn 5
Bộ Binh đóng tại Phú Mỹ - Bình Dương. Sau đó được chuyển
về Tiểu đoàn 1, Trung đoàn 9 đóng tại An Lộc - Bình Long.
Giữ chức vụ : Trung đội Trưởng Trung đội Súng nặng 57 ly
không giật, thuộc Đại đội Chi Huyết Yên Trại, Tiểu đoàn 1/9.
Sau mấy tháng về làm Ban 3 Tiểu đoàn 1/9. Đến
năm 1968 được thăng cấp Thiếu úy, chuyển sang Tiểu
đoàn 3/9 giữ chức vụ Trưởng Ban 3 Tiểu đoàn. Về tháng
sau, chuyển qua Đại đội 9 Trinh Sát, thuộc Trung đoàn 9
Sư đoàn 5, Bộ Binh. giữ chức vụ Trung đội Trưởng Trung đội
Viễn Thám. Năm 1971 được thăng cấp Trung úy Thực thi,
thay đổi chuyển về Tiểu đoàn 3/9 giữ chức vụ Trưởng
ban 3 Tiểu đoàn, sau đó được ra giữ chức vụ Đại đội
Trưởng Đại đội Chi Huyết Yên Trại Tiểu đoàn 3/9. Đến năm
1972 được chuyển về Tiểu khu Tây Ninh, giữ chức vụ
Đại đội phó Đại đội 127 Biệt lập, đóng tại Long Hoa.

Tây Ninh. Đến năm 1973 chuyển sang Trại đôn
350 ĐLQ, giữ chức vụ Đại đội Trưởng Đại đội
CH/VT. Năm 1975 thăng giáng đội về Trại
đôn 352/ĐLQ giữ chức vụ Đại đội phó ĐĐ2
Đôn ngày 30-4-1975 đơn vị tan rã. Tôi về
nhà và tôi ở Ấp Xóm Mới, Xã Trại Bình, huyện
Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh.

(IV)

Thời gian học tập cải tạo:

Ngày 2-5-1975 tập trung tại Trại Hành Chánh
Tây Ninh và đưa đi học tập cải tạo tại trường
Quản Huấn Cây Cày A, thuộc tỉnh Tây Ninh. Thời
gian 3 Năm. Đến năm 1978, được Biên chế
chuyển sang Phân Trại Bàu Cỏ thuộc Tỉnh Tây Ninh
do Bộ Nội Vụ Quản lý. Thời gian ở đây gần 3
năm. Đến ngày 2-8-1980 được thả về đoàn
tự giải, Tổng Công thời gian trình diện
học tập cải tạo là 5 năm 3 tháng.

Quan Hệ Cách Mạng: Không có.

Tôi xin cam đoan những lời Khai trên đây là hoàn
toàn sự thật. Nếu Khai man tôi xin chịu trách
nhiệm trước pháp luật.

Người Khai

Nguyễn Văn Đức

Nguyễn Văn Đức

BỘ QUỐC-PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC QUÂN-NHÂN
Số : 041136



Họ và Tên : HUYNH-VAN-DUC

Cấp bậc : Thiếu Úy

Số quân : 65/104.015

Loại máu : B12

MẤU

DD-849

10.66. TTALAP. O. 2588

ĐẤU TAY

Ngón trở trái

Ngón trở mặt

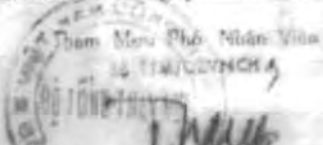
Sinh ngày : 10 . 11 . 1945

Tại ~~Trịnh tuong~~ Bình-Thuan

Con của Ông : HUYNH NGOC

và Bà : VO THI NUONG

KBC. 4125 ngày 1.11.71



Tham-Mưu NGUYỄN-XUÂN-TRANG

* Ai lược được Thẻ này xin chuyển
đến KBC gửi trên.

QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-PHÒNG

CHỨNG-CHỈ TÀI NGŨ

Số: 302152

Họ và Tên :

Cấp bậc :

Số quân :

Đơn vị :

HUYỆN

TRUNG

QUÂN

ĐƠN VỊ

KBC

QUÂN

ĐƠN VỊ



10-74

MINH

ĐƠN VỊ

MẪU

QD-750 G/ III

01.10.74

(Thay thế mẫu QD.750 P ngày 01.10.72)

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Hiệu lực đến 31.03.75	Hiệu lực đến 01.10.75 <i>Thư</i>	Hiệu lực đến	Hiệu lực đến
	TRÁI	Dấu tay ngón trỏ	Ngày sinh : 10-11-1945 Nơi sinh : Bình Thuận Cha : HUYNH-NGOC Mẹ : VO-P-NHONG Địa-chỉ hiện tại : KBC.7112 Chữ ký đương sự 
	PHẢI		

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Tây-Ninh

QUẬN Phước-Khương

XÃ Thái-Hiệp-Thạnh

Số hiệu : 1919

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 25 tháng 8 năm 1971



Tên họ đứa trẻ : HUYỀN-ĐỨC-ĐÌNH
Con trai hay con gái : Nam
Ngày sanh : Hai mươi tháng tám tháng lịch
Năm một ngàn chín trăm bảy mươi một
Nơi sanh : Thái-Hiệp-Thạnh
Tên họ người Cha : Huỳnh-Văn-Đức
Tên họ người Mẹ : Tô-Thị-Hiếu
Vợ chánh hay không : Vợ chánh
có Hôn-thú : /
Tên họ người đứng khai : Tô-Thị-Tốt

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

Thái-Hiệp-Thạnh, ngày 25 tháng 9 năm 1974

VIỆN CHỨC HỘ-TỊCH

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH



Văn Khảm

KHAI SANH



Tên họ ấu nhi:	Huỳnh thị Bích Phương
Phái:	Nữ
Sanh (Ngày tháng năm)	Ngày 4 tháng 9 năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai
Tại:	Xã Trí bình
Cha: (Tên họ)	Huỳnh văn Đức
Tuổi	Hai mươi bảy tuổi
Nghề-nghiep	quân nhân
Cư trú tại:	Xã Trí bình
Me: (Tên họ)	Tô thị Hiếu
Tuổi	Hai mươi bốn tuổi
Nghề-nghiep	Nội trợ
Cư trú tại:	Xã Trí bình
Vợ (Chánh hay thứ)	Chánh
Người khai: (Tên họ)	Huỳnh văn Đức
Tuổi	Hai mươi bảy tuổi
Nghề-nghiep	quân nhân
Cư trú tại:	Xã Trí bình
Ngày khai: (Ngày tháng năm)	Ngày 4 tháng 9 năm một ngàn chín trăm bảy mươi hai
Người chứng thứ nhất: (Tên họ)	Phạm văn Đồn
Tuổi	Bốn mươi sáu tuổi
Nghề-nghiep	Làm vườn
Cư trú tại:	Xã Trí bình
Người chứng thứ nhì: (Tên họ)	Phan văn Giản
Tuổi	Hai mươi sáu tuổi
Nghề nghiệp	quân nhân
Cư trú tại:	Xã Trí bình

TRÍCH Y TRONG BỘ CHÁNH
Trí Bình ngày 5 tháng 9 năm 1972
HỘ TỊCH

ỦY BAN HÀNH CHÍNH
XÃ TRÍ BÌNH

NGUYỄN VĂN HỒ

Làm tại Trí bình, ngày 4 tháng 9 năm 1972
Người khai Hộ tịch Nhân chứng

Huỳnh văn Đức (Ký tên đồng mẹ) Phạm văn Đồn
(Ấy tên) Nguyễn văn Hồ Phan văn Giản
(Ký tên)

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH Sài Gòn

QUẬN phước bình

XÃ Sri bính

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 18 tháng 9 năm 1974.



Số hiệu : 192.

Tên họ đứa trẻ : Huỳnh Đức Nghĩa
Con trai hay con gái : Nam
Ngày sanh : ngày mười lăm tháng chín năm một
ngàn chín trăm bảy mươi tư
Nơi sanh : Xã Sri bính
Tên họ người Cha : Huỳnh Văn Đức
Tên họ người Mẹ : Tô Thị Hiền
Vợ chánh hay không : chính
có Hôn-thú :
Tên họ người đứng khai : Huỳnh Văn Đức

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Sri bính ngày 19 tháng 9 năm 1974.

VIỆN CHỨC HỘ-TỊCH



Handwritten signature

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự Do — Hạnh Phúc

Mô

Xã, Thị trấn Trị Bình
Thị xã, Quận Châu Thành
Thành phố, Tỉnh Tây NinhBẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số

Quyển số



--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	<u>Nguyễn Đức Trung</u>		Nam, Nữ <u>Nữ</u>
Sinh ngày tháng năm	<u>Hà nội tại tháng mười hai, một chín</u> <u>tám một (28-12-1981)</u>		
Nơi sinh	<u>Châu Thành, Trị Bình, Tây Ninh</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ tên tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Văn Đức</u> <u>(1945)</u>	<u>Tô Thị Huệ</u> <u>(1948)</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Làm ruộng</u>	
Nơi ĐKNK thường trú	<u>Tổ 15, ấp Xóm Mới 2</u>	<u>Tổ 15, ấp Xóm Mới 2</u>	
Họ, tên tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Nguyễn Văn Đức, 1945, ngụ Tổ 15,</u> <u>ấp Xóm Mới 2, Trị Bình, Châu Thành, TN</u> <u>Giấy CMND số 290384210</u>		

NHÂN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 9 tháng 8 năm 1988TM. UBND Xã ký tên đóng dấuĐã ký, ngày tháng năm 198
(ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

PHÓ CHỦ TỊCH

Đinh Văn Tuấn

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

TỈNH BÌNH-LONG

QUẬN An-Lạc

XÃ Tân-Lập-Phu

BẢN TRÍCH LỤC BỘ HÔN-THƯ

XÃ

ĐÃ KIỂM SOÁT ĐÚNG TRONG BỘ
Nhân-viên phụ-trách,

HT/HDK

Năm 19 71

Số hiệu 121



Người chồng : (Tên, họ)	<u>Huỳnh-văn-Dục</u>
Sanh tại :	<u>Bình-Thuận</u>
Sanh ngày :	<u>10 tháng 11 năm 1945</u>
Cha chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	<u>Huỳnh-Ngọc (s)</u>
Mẹ chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	<u>Võ-thị-Nhuận (s)</u>
Người vợ : (Tên, họ)	<u>Tô-thị-Hiếu</u>
Vợ (chánh hay thứ):	<u>Chánh</u>
Sanh tại :	<u>Tây-Kinh</u>
Sanh ngày :	<u>30 tháng 12 năm 1948</u>
Cha vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	<u>Tô-văn-Lệ (s)</u>
Mẹ vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	<u>Tô-thị-Tết (s)</u>
Ngày cưới :	<u>Ngày 05 tháng 07 năm 1971</u>

Trích y bốn chánh :



KIẾN-THỊ :

KÁ-TRƯỞNG

Tân-Lập-Phu ngày 05 tháng 07 năm 197 1
ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,

Chức vụ: Trưởng

Moai-Lưu-Tiến

MIỄN THỊ THỰC CHỮ KÝ

Tham chiếu : Thông Tư Bộ Nội Vụ số 4366/BNV/HC/20
ngày 3-8-70.

SỞ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ TRẠI GIAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTCN ngày 22/8/77 của Thủ tướng Chính
phủ và Công hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và chính sách đối với
nhân viên các cơ quan chuyên môn của các cơ quan và công
tác viên công nhân nông nghiệp và công nhân các cơ quan
trên địa bàn tỉnh và thành phố Hồ Chí Minh. Quyết định số 220/TTCN ngày 14-4-1978
của Thủ tướng Chính phủ và chỉ thị số 316/TTCN ngày 22/8/77 của Thủ tướng
Chính phủ.

Thi hành quyết định số 12/QĐ-H ngày 01-7-80 của Bộ Trưởng
Bộ nội vụ.

CƠ SỞ RA TRẠI

Họ và tên: HUỖNH VĂN - ĐỨC
Ngày tháng năm sinh: 10 - 11 - 1945
Quê: Phan Thiết
Ấp Xóm Mới, Xã Tân Bình, Châu Thành Tây Ninh
Đã được chấp thuận và công nhận chính quyền quân sự và
công nhân nông nghiệp và công nhân các cơ quan. Trung ương Cơ quan
Đội trưởng
Đã được tiếp tục trình nghị quyết với Ủy Ban nhân dân
tỉnh và thành phố, phường: Ấp Xóm Mới, Xã Tân Bình
Châu Thành tỉnh, thành phố Tây Ninh

phải tuân theo các quy định
của Ủy Ban nhân dân Tỉnh, Thành phố và việc quản chế, và nơi cư
trú và công tác quản lý khác.

Thời hạn quản chế: Mười hai tháng
Thời hạn quản chế: một ngày (kể từ ngày ký giấy ra)

Ngày 2 tháng 8 năm 1980
Giám Thị Trại

Phạm Văn Nhân

Chung Minh

ngày 01-08-1980

Hàng Sĩ Hoàng Văn Đức

Có đến Công an huyện Từ Sơn

Chức vụ 01-8-80

T.M. Công an CT.

Đoàn Cảnh sát

Hàng Sĩ Hoàng Văn Đức

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘ ĐƠN

ODP IV # _____

Date: _____
Ngày: 20-8-1988

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabpur Building
Southern Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn-bản

1. Name
Họ, tên : HUYNH-VAN-ĐỨC Sex: Nam
Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : không
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 10-11-1945 - Phan Thiết
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : Tó 15 - Ấp Xóm Mới 2 - Xã Trại Bìn, Chauthanh
Tây Ninh
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : Số 21 - Nguyễn Hội - Phan Thiết
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : Làm ruộng

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-Y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-đình
1. Tô Thị Hiếu	1948	Tây Ninh	Nữ		Vợ
2. Huỳnh Đức Dũng	1971	Tây Ninh	Nam	Độc thân	Con
3. Huỳnh Thị Bích Phương	1972	Tây Ninh	Nữ	Độc thân	Con
4. Huỳnh Đức Nghĩa	1974	Tây Ninh	Nam	Độc thân	Con
5. Huỳnh Đức Trung	1981	Tây Ninh	Nam	Độc thân	Con
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giá-thú (nếu lập gia-đình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ Hạng ở Ngoại Quốc

	Of Myself/của tôi	Of My Spouse/của vợ/chồng
1. Closest Relative In the U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ		
a. Name Họ, Tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	
d. Date of Relatives Arrival in the U.S. Ngày bà con đến Mỹ	:	
2. Closest Relative in Other Foreign Countries Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác		
a. Name Họ, tên	:	
b. Relationship Liên-hệ gia-đình	:	
c. Address Địa-chỉ	:	

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : Huỳnh - Ngọc (bình chết)
2. Mother
Mẹ : Võ thị Nhường (Sống, già yếu)
3. Spouse
Vợ/Chồng: Tô thị Hiếu (Sống)
4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có):
5. Children
Con cái:
 - (1) Huỳnh Đức Dũng
 - (2) Huỳnh Thị Bích Phương
 - (3) Huỳnh Đức Nghĩa
 - (4) Huỳnh Đức Trường
 - (5)
 - (6)
 - (7)
 - (8)
 - (9)
6. Siblings
Anh chị em:
 - (1) Huỳnh Văn Tân
 - (2) Huỳnh Thị Minh
 - (3) Huỳnh Văn Quang
 - (4) Huỳnh Văn Trí
 - (5) Huỳnh Văn Mịch
 - (6)
 - (7)
 - (8)
 - (9)

E. Employment by U.S. Government Agencies or other U.S. Organization of you or your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho cơ quan/chức vụ chính phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-Thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hang/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng đã Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: HUYNH - VAN - DUC

2. Dates: From: _____ To: _____
Ngày, tháng, năm Từ 23 - 11 - 1966 Đến 30 - 4 - 1975

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng : Trung-úy Serial Number: 65/404015
Số thẻ nhân-viên:

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đơn-Vị Binh-Chung : Tiền đồn 352 - Địa phương Quân -
chủ lực quân

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan
chức-huy : Thiếu-tá Nguyễn Trọng Phan

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố-vấn Mỹ : _____

8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam : _____

9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phần-thưởng hoặc giấy khen: _____ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes _____ No _____.)

(CHÚ-Ý: Xin bạn kèm theo bản-cũ văn-bằng, phần-thưởng, hoặc chứng-thủ nếu có. Không sử-có không? Có _____ Không _____.)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/ chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____

2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường : _____

3. Dates: From _____ To _____
Ngày, tháng, năm Từ: _____ Đến: _____

4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học : _____

5. Who paid for training? :
Ai đài-thu chương-trình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes _____ No _____.)
(CHÚ-Ý: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ-lệnh nếu có. Bạn có hay không? Có _____ Không _____)

H. Reeducation of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/ chồng đã học-tập cải-tạo

1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : Huyền - Văn - Đức

2. Time in Reeducation: From _____ To _____
Thời gian học-tập Từ: 2 - 5 - 1975 Đến: 2 - 8 - 1980

3. Still in Reeducation? * Yes _____ No _____
Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có _____ Không Không

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

Xin cho tôi và gia đình vợ con được định cư tại
Hoa Kỳ.

Signature _____ Date _____
Ký tên : Huyền Văn Đức Ngày: 20 - 8 - 1988

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

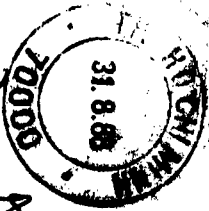
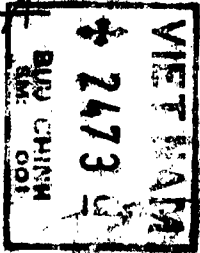
1. Bản Lý lịch
- 1 giấy ra trại
- 1 Hôn thú
- 4 Khai sinh 4 con
- 1 Bản sao chứng chỉ tại ngũ
- 6/84 1 Bản sao thư xin cửu quân nhân.

FROM: HUYNH VAN - DUC
88-21 (CH2) NGUYEN - HO
PHANTHAT - THANH AI

- Xaus
- 54

To: Madame. KHE MINH THO
P.O. BOX 5435 ARLINGTON
V.A. 22205 - 0635
TELEPHONE: 703-560-0058

U.S.



SEP 16 1988